

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 435/2026/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Ngô Đức T, sinh năm: 1997. Nơi ĐKKTT: Thôn T, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ hiện nay: Số G đường D, tổ C TKT, phường T, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Số G đường D, tổ C TKT, phường T, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D kết hôn với nhau vào năm 2021 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2021 ngày 22/02/2021) nay là UBND xã Đ, tỉnh Thanh Hóa. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông T và bà D về chung sống tại địa chỉ: Số G D, tổ C T, phường T, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2026 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, mặc dù cùng sinh sống trong một mái nhà nhưng vợ chồng ông T và bà D đã tự động sống ly thân với nhau, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia đình ông T và bà D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D xác nhận có 02 con chung tên là Ngô Đức Tuấn T1, sinh ngày 14/6/2021 và Ngô Đức Tuấn T2, sinh ngày 03/7/2025. Ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Bà D là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Đức Tuấn T2; ông T là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngô Đức Tuấn T1 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Ông T và bà D tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Ngô Đức Tuấn T2, sinh ngày 03/7/2025; ông Ngô Đức T nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên là Ngô Đức Tuấn T1, sinh ngày 14/6/2021 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Hai bên đương sự có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp theo biên lai thu số 0006191 ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Ngô Đức T và bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- THADS.tp Đà Nẵng;
- UBND xã Định Hòa - Thanh Hóa;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thu Trang



